

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	16	0		14	0	
2		TD1+RP2	7:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
3		GTCl+BK16+CTK3	7:25	6+4+12	0+0+0		3+4+15	0+0+0	CHUYỂN 1 BK16-CTK3
4		PPD+TD1	7:25	20+2	0+0		9+13	0+0	
5		CTK3+BK9+P10	9:25	22+0+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	CHUYỂN 1 CTK3-BK9
6		P2+P3+P8	9:25	8+6+7	0+0+0		2+8+12	0+0+0	
7		PPD+CTK3	9:25	21+1	0+0		17+5	0+0	
8		AMD+GTCl	11:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
9		ClI	11:25	22	0		22	0	
10		ClI+P4	11:25	18+2	0+0		16+6	0+0	

TTBDSX

GHI CHÚ: 1 NGƯỜI ĐI GTCl VỀ CHUYỂN CUỐI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khánh - CHIẾN	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH HIẾU NGHĨA	BK THIE	35	1	6		78	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TUAN	BK THIE	32	1	5		82	PVD	Vietnamese
3	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE					68	PVD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THI	BK THIE					71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HOA	BK THIE	38	1	4	56	72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUAN	BK THIE	800	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO DUY TỬ	BK THIE	40	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	28	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	BK THIE				150	63	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ DUY DUNG	BK THIE	35	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NGỌC THAI SƠN	BK THIE	39	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
12	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	36	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	33	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN QUANG	BK THIE	29	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	PHẠM HUNG SƠN	BK THIE	30-31	2	8		55	PSV	Vietnamese
16	HÀ VĂN THIỀU	BK THIE	34	1	3		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	16	14	71	1.056	206	14		THAO 2 GHE CHO HANG THUC PHAM
TOTAL		16	14	71	1.056	206	14		
WEIGHT KG				71	1.056	206			

GRAND TOAL: 1.333 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2019	TO: TD1 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - L Hải - TSON	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN V.B	TD1	93	1	17	35	160	KHOAN	Russian
2	TRẦN HUY QUANG	TD1	94	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
3	NIKOLAYEV G.M	TD1	04	1	12		74	KHOAN	Russian
4	PODKATILIN	TD1	05	1	8		85	KHOAN	Russian
5	VU ĐÌNH PHONG	TD1	49	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUNG*KT	TD1	01	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO NGUYỄN GIAP*PK-PVD	TD1	48	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN NAM*PK-PVD	TD1	95	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	77	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
10	VU MẠNH HAI	TD1	75-76	2	10		81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LỘC	TD1	97	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ANH TUÂN	TD1	98	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	VÔ VĂN HÙNG	TD1	92	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HỘI	TD1	99	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN BÌNH	TD1	96	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG HOANG ANH	RP2	28	1	7	30	82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN TIẾN LƯU	RP2	31	1	8		66	NIPI	Vietnamese
18	ĐO CÔNG MINH	RP2	26	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	27	1	3		69	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CẢNH	RP2	25	1	5		52	GETRACO	Vietnamese
21	VU VIỆT SƠN	RP2	32	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	RP2	24	1	5		60	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	16	106	1.154	35	15		
2	RP2	7	7	36	459	30	7		
TOTAL		22	23	142	1.613	65	22		
WEIGHT KG				142	1.613	65			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/07/2019	TO: GTC1 - BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐTuấn - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DÓ HIỆP PHÚ	GTC1	79	1	5		55	ANTOAN	Vietnamese
2	KURPASOV	GTC1				70	60	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HUU TAN	GTC1	78	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	GTC1	80	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1					65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	77	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH LIÊM	BK16	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH THANG	BK16	95	1	4	60	65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	69	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN PHÚC	CTK3					70	SBAY	Vietnamese
12	LÊ HUY MẠNH	CTK3	25	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU LONG	CTK3	26	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THANH HÒA	CTK3	24	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	20	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN TIẾN	CTK3	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	29	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SÁU	CTK3	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	19	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HIEN	CTK3	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI HUU HUÂN	CTK3	27-28	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	18	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

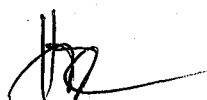
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	4	22	382	70	3		CHUYEN 01 PAX TU BK16 SANG CTK3
2	BK16	4	3	14	292	60	4	1	
3	CTK3	12	12	70	826	0	15		
TOTAL		22	19	106	1.500	130	22		
WEIGHT KG				106	1.500	130			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2019	TO: PPD - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - Trường	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	21-22	2	15	23	65	KHI	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HOA	PPD	18-19	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN THẾ LONG	PPD	11	1	11	25	62	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẠO MINH HAI	PPD	08-09	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	PPD	06-07	2	21		51	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN THAI THANH	PPD	12-13	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN PHÚC	PPD	04-05	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	23	1	13	60	69	XAYLAP	Vietnamese
9	LY XUÂN TRUNG	PPD	24	1	7	18	65	YTE	Vietnamese
10	PHÙNG PHU SỬA	PPD	15-16	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN HAI	PPD	27	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	25	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	26	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					57	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN DUY NAM	PPD	14	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TÂN	PPD	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC ANH	PPD	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	20	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO QUANG HUNG	TD1	02	1	10	17	110	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TÙNG	TD1	01	1	11		74	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	25	166	1.325	126	9		
2	TD1	2	2	21	184	17	13		
TOTAL		22	27	187	1.509	143	22		
WEIGHT KG				187	1.509	143			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/07/2019	TO: CTK3 - BK9 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Lhài - TSON	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA HUE	CTK3	41	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	CTK3	43	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	CTK3	52	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAM VAN THANH	CTK3	66	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN SON HA	CTK3	56	1	3	100	69	KH-THAC	Vietnamese
7	LBETKOB A.B	CTK3	40	1	10		103	KH-THAC	Russian
8	PHAM TU ANH	CTK3	50	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LE CANH HUNG	CTK3	45-46	2	16		59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUOC KHIEM	CTK3					89	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	48-49	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HE	CTK3	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU HA	CTK3	44	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH QUOC HUY	CTK3	47	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MUOI	CTK3	58	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO VAN BINH	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO HUU ĐỨC	CTK3	54	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	LE MINH ĐỨC	CTK3	53	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI SY LONG	CTK3	57	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	55	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN BAC	CTK3					62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	51	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

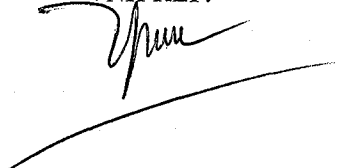
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	21	131	1.562	100	17	+1	CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK9
2	BK9	0	0	0	0	0	0		
3	P10	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	21	131	1.562	100	22		
WEIGHT KG				131	1.562	100			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2019	TO: P2 - P3 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐTuấn - N Nam	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN CHINH	P2	91	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐO VAN HOANG	P2	87-88	2	8		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN QUY HAI	P2	85	1	10	22	93	XAYLAP	Vietnamese
4	TA VAN CUONG	P2	44-45	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOI	P2	89	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DINH TOI	P2	83-84	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HAI LINH	P2	86	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM NGOC BAO	P2	90	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
9	LE HONG DAI	P3	03	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC PHONG	P3	05	1	5		61	D-HANH	Vietnamese
11	TRINH HOANG NGUYEN	P3	06-07	2	10	20	66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH THACH	P3	02	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN VAN THINH	P3	04	1	5		74	NIPI	Vietnamese
14	CHERNHIADEV	P3	01	1	7		70	NIPI	Russian
15	TRAN DINH THANG	P8	34	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
16	LE TRONG VAN	P8	38-39	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TRAN VINH	P8	36-37	2	14	40	60	XAYLAP	Vietnamese
18	LUONG VAN VIET	P8	89-90	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI TRONG HOI	P8	40	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VIET DUNG	P8	35	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI NGOC NAM	P8	91	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	11	75	563	22	2		
2	P3	6	7	40	420	20	8		
3	P8	7	10	91	454	40	12		
TOTAL		21	28	206	1.437	82	22		
WEIGHT KG				206	1.437	82			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2019	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG -	ETA: 11:30
VANG-2		TRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	45	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	PPD	42	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG TRI DUNG	PPD	49	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG VĂN TẠNG	PPD	48	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CHÍ KIẾN	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HOÀI BAO	PPD	38	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÂM TRỌNG ĐẠI	PPD	41	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGỌC DUNG	PPD	46	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH TRI	PPD	47	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD					73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG PHÚ	PPD	54	1	12		82	CODIEN	Vietnamese
13	DƯƠNG HỮU THUẬN	PPD	50-51	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC TUÂN	PPD	40	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ HỘI	PPD	60-61	2	9		75	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN BA	PPD	58-59	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HÙNG	PPD	55-56	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI SƠN HẢI	PPD	39	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
19	LẠI HUY CUÔNG	PPD	43-44	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH NAM	PPD	62-63	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM TIẾN ĐĂNG	PPD	52-53	2	15	40	53	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH KHA	CTK3	30	1	6		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	25	191	1.412	40	17		
2	CTK3	1	1	6	70	0	5		
TOTAL		22	26	197	1.482	40	22		
WEIGHT KG				197	1.482	40			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/07/2019	TO: AMD - GTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TSON	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH BICH NGOC	AMD	12-13	2	13		68	TLJOC	Vietnamese
2	LEONG WEI KIT	AMD	09	1	15	34	80	BAB	Malaysian
3	NICHOLAS MARIA SOOSAY THAS	AMD	07-08	2	17	25	98	BAB	Malaysian
4	LUONG CHAU HIEU	AMD	25	1	6		62	BAB	Vietnamese
5	NGUYEN CHI KIEN	AMD	26-27	2	10		60	BAB	Vietnamese
6	LE THANH HAI	AMD	04	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH NGOAN	AMD	28	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM NGOC TUAN	AMD	14	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN VIET	AMD	16	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH SONG	AMD	19	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
11	TANG XUAN HAI (PVDI)	AMD	03	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	AMD	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	17-18	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THANH HUNG	AMD	05	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH DUNG	AMD	06	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG CONG TAN	AMD	20	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET THANG	AMD	10	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE THANH TUNG	AMD	02	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO SY HOA	AMD	11	1	6		82	TLJOC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG THANH HAI	AMD	21-22	2	14		65	HWL - HLJO	Vietnamese
22	DAO HAI DUONG	AMD	23-24	2	15		68	HWL - HLJO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

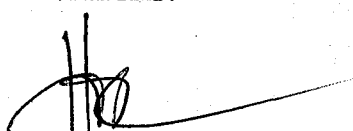
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	28	189	1.552	59	18		
2	GTC1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	28	189	1.552	59	22		
WEIGHT KG				189	1.552	59			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2019	TO: CLI	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: QViệt - ĐTuấn - NNam	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	CLI	18	1	9		65	YTE	Vietnamese
2	LÊ QUANG TÂN	CLI	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	DUCHENKO A.L.	CLI	13	1	5		90	KH-THAC	Russian
4	KHAVANJAN R.I.	CLI	15-16	2	8		73	KH-THAC	Russian
5	HUYNH KIM KHANH	CLI	08	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	14	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH CÔNG	CLI	07	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TUYẾN	CLI					65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC THĂNG	CLI	26-27	2	12	28	70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	17	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HAI	CLI	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU VĂN VƯƠNG	CLI				25	72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	03-04	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI QUỐC HUNG	CLI	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VŨ	CLI	02	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	05-06	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN DÂN	CLI	29	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH HUÂN	CLI	19	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MANH THĂNG	CLI	12	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRỊNH TIẾN BÌNH	CLI				10	85	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ HAI HẬU	CLI	30	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	23	130	1.578	63	22		
	TOTAL	22	23	130	1.578	63	22		
	WEIGHT KG			130	1.578	63			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/07/2019	TO: CLI - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - Toan	ETA: 13:40
VANG-3			

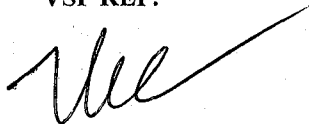
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH THÈ ANH	CLI	48	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG MINH TÂM	CLI	30	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	47	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI					65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG NGÂN	CLI	46	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH DUY	CLI	49	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLI	18	1	3	90	70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH HAI	CLI	32-33	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TÀ THANH QUANG	CLI	29	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	36	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ARTIUSHIN	CLI	45	1	9		90	ANTOAN	Russia
12	PHẠM XUÂN YẾN	CLI	27	1	5		71	PSV	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN DŨ	CLI	44	1	6		62	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG ANH	CLI	26	1	3		63	PSV	Vietnamese
15	BUI NGỌC TÂN	CLI	31	1	3		61	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐẠI	CLI	28	1	6		68	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬT	CLI	34	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	VƯƠNG ĐỨC HUY	CLI	35	1	10		98	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	BUI SONG TOAN	P4	03	1	6		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

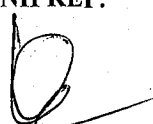
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	18	18	101	1.278	90	16		
2	P4	2	2	11	144	0	6		
TOTAL		20	20	112	1.422	90	22		
WEIGHT KG				112	1.422	90			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/07/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+TD2+TD3	7:25	4+17+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD2- TD3
2		P3+TD5+RP3	7:25	19+2+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
3		PPD+P10+P3	9:25	7+15+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2019	TO: JS2 - TD2 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HUY	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN	JS2	72-73	2	17		100	KHOAN	Russian
2	ORLOV	JS2	71	1	7		93	KH-THAC	Russian
3	POPOV	JS2	71	1	5		76	"	Russian
4	SHETNHIKOV	JS2	69	1	10		90	"	Russian
5	NGUYEN HAI	TD2	67	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	LE ĐỨC THỌ	TD2	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO THANH HUNG	TD2	15-16	2	11		70	YTE	Vietnamese
8	ARUSHANOV S.V	TD2	66	1	12		100	KHOAN	Russian
9	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯỜNG THANH TUNG	TD2	68	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TUAN	TD2				15	65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRUNG THỌ	TD2				70	70	KHOAN	Vietnamese
13	LE ANH QUÂN	TD2	72	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH BINH	TD2	73	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG	TD2	69	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	70	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	74	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN ĐẠO	TD2	07	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	08-09	2	15		70	DVL	Vietnamese
20	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	14	1	6		71	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYEN KIM HIẾU	TD2	71	1	8		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	5	39	359	0	0		CHUYEN 01 PAX TU TD2 SANG TD3.
2	TD2	17	17	105	1.230	85	21	+1	
3	TD3	0	0	0	0	5	0		
TOTAL		21	22	144	1.589	90	21		
WEIGHT KG				144	1.589	90			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2019	TO: P3 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA LUONG	P3				40	69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HUNG	P3	20	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC LAM	P3	16	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	P3					66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC TUAN	P3	22	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN DOANH	P3					71	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN PHAN	P3	15	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MINH HIEU	P3	21	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	CHU DUC AI	P3	11-12	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUYET TIEN	P3	09	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CHAN	P3	10	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUAN LONG	P3	19	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN SI LONG	P3	13	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
14	LE HOANG THI	P3	17	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
15	IVANOV	P3	18	1	5		85	ANTOAN	Russian
16	DUONG THANH TUNG	P3	14	1	5		72	ANTOAN	Vietnamese
17	DO VAN QUANG	TD5	61	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH TIEN	TD5	62	1	7		97	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	16	14	71	1.126	40	12		
2	TD5	2	2	13	185	0	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		18	16	84	1.311	40	22		
WEIGHT KG				84	1.311	40			

GRAND TOAL: 1.435 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2019	TO: PPD - P10 - P3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HUY	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SON ANH	PPD	68	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VAN LONG	PPD	70-71	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
3	LE XUAN LAP	PPD	69	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN GIA HIEU	PPD	67	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG MINH	PPD	66	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
6	DO XUAN HIEP	PPD	74-75	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN DUY ANH	PPD	72-73	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
8	DINH DUC QUAN	P10	90	1	12	20	76	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI HONG SANG	P10	78	1	13		93	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CHINH	P10	89	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
11	DAO NGOC HAI	P10	79	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN TRA	P10	83	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI THANH LONG	P10	77	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
14	HA VAN NHIEM	P10	84	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
15	LE NGOC CUONG	P10	85-86	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MANH	P10	87-88	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NG DUONG HOAI TRI	P10	76	1	10		70	PVE	Vietnamese
18	BUI CONG TRINH	P10	75	1	6		62	PVE	Vietnamese
19	DO VAN CUONG	P10	73	1	6		70	PVE	Vietnamese
20	KIEU VAN NGHIEM	P10	72	1	6		57	PVE	Vietnamese
21	PHAN XUAN VU	P10	80	1	11		70	PVE	Vietnamese
22	NGO QUANG KHIEM	P10	74	1	5		62	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	10	91	485	0	0		
2	P10	15	17	159	1.064	20	0		
3	P3	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		22	27	250	1.549	20	22		
WEIGHT KG				250	1.549	20			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN